

NGHỊ QUYẾT

Về bổ sung Bảng giá các loại đất
kỳ 2015 -2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
Xét Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung Bảng giá các loại đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Bảng giá các loại đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (đính kèm Bảng Bổ sung giá các loại đất kỳ 2015 - 2019).

- Thời điểm áp dụng: từ ngày 01/01/2018.

- Các nội dung không bổ sung tại Bảng giá các loại đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2014/NQ-HĐND ngày 25/12/2014 về phê duyệt Bảng giá các loại đất năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Nghị quyết số 75/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 về phê duyệt điều chỉnh Bảng giá các loại đất năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các nội dung khác không được quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này thực hiện như sau:

1. Trường hợp giá đất có sự biến động tại các khu vực có sự thay đổi về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất, các tuyến đường giao thông. UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thỏa thuận thống nhất triển khai thực hiện, Thường trực HĐND báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất để xem xét, quyết nghị.


2. Trường hợp có phát sinh giá đất tại các khu dân cư được đầu tư xây dựng mới, HĐND tỉnh thống nhất để UBND tỉnh được áp dụng Quyết định phê duyệt giá đất đã ban hành của dự án để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đất đai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Công bố công khai đến các địa phương có bổ sung Bảng giá các loại đất kỳ 2015-2019 để theo dõi, giám sát và thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Ninh Thuận Khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08/12/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH




Nguyễn Đức Thanh

**BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT
KỶ 2015-2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. Bổ sung thời hạn sử dụng đất tại mục IX Phần A và mục IX Phần B như sau:

Thời hạn sử dụng đất để tính giá đất trong Bảng giá đất: Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

II. Bổ sung mục VIII Phần A như sau:

VIII. Bảng giá đất nông nghiệp khác tại đô thị và tại nông thôn: Bảng giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 cùng vùng.

III. Bổ sung mục IV Phần B. Bảng giá đất ở (thổ cư) tại các khu dân cư ven đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

KHU VỰC ĐẤT	Giá đất
5. HUYỆN THUẬN NAM	
5.3. Đường Ven biển Phú Thọ - Mũi Dinh	
- Đoạn giáp xã An Hải, huyện Ninh Phước đến hết khu quy hoạch tái định cư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	<u>400</u>
- Từ giáp khu quy hoạch tái định cư nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 đến Trạm quản lý bảo vệ rừng Phước Diêm	<u>350</u>
- Từ giáp Trạm quản lý bảo vệ rừng Phước Diêm đến giáp Quốc Lộ 1A xã Cà Ná	<u>400</u>
7. HUYỆN BẮC ÁI	
7.4. Tỉnh lộ 706	
- <u>Đoạn xã Phước Thành đi Phước Chiến</u>	<u>45</u>

IV. Bổ sung giá đất tại mục V Phần B. Bảng giá đất ở (thổ cư) tại hai bên đường phố thuộc địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG PHỐ	Loại đường phố	Giá đất
90	<u>Đường Ven biển</u>		
	- Từ giáp ngã ba đường Yên Ninh và đường Ven biển đến phía Bắc cầu An Đông	II	<u>2.000</u>
	- Từ phía nam cầu An Đông đến hết địa phận phường Đông Hải		<u>500</u>
91	<u>Đường Phan Đăng Lưu</u>	II	
	- Từ ngã ba đường Lê Duẩn đến cầu Trắng		<u>2.400</u>
	- Từ giáp cầu Trắng đến cầu vượt đường sắt		<u>2.000</u>
	- Từ cầu vượt đường sắt đến giáp Quốc lộ 27A		<u>1.600</u>
92	<u>Đường vào Tru sở UBND phường Bảo An</u>	III	<u>1.250</u>

V. Bổ sung giá đất tại các khu dân cư:

1. Khu dân cư cầu Quần - Cà Ná, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam:

- Tuyến đường số 1: Giá đất là 1.386.000 đ/m².
- Tuyến đường số 2: Giá đất là 1.057.000 đ/m².
- Tuyến đường số 3: Giá đất là 1.463.000 đ/m².
- Tuyến đường số 4: Giá đất là 1.540.000 đ/m².
- Tuyến đường số 5: Giá đất là 1.244.000 đ/m².

Các lô đất có hai mặt tiền đường thì giá đất được tính bằng giá đất của tuyến đường có giá cao nhân với hệ số bằng 1,2.

2. Khu dân cư Trung tâm cụ xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam:

Giá đất: Bằng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 07/8/2014.

3. Khu dân cư thuộc dự án di dân vùng sạt lở thôn Sơn Hải, huyện Thuận Nam:

Giá đất: Bằng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 07/8/2014.

4. Khu A6 thuộc Khu quy hoạch dân cư thôn Sơn Hải, huyện Thuận Nam:

Giá đất: Bằng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 09/6/2016.